

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 1 - Tòa nhà Việt úc (VAS) - Mỹ Đình I - Cầu Diễn- Nam Từ Liêm - Hà Nội

MST: 0102370070

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2015

Bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh Báo cáo tài chính

Hà Nội, năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP
cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

1/3/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	03 - 05
Báo cáo Tài chính hợp nhất	06 -11
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 -41

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2015 đến 30/09/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group (Tên cũ: Công ty Cổ phần Fikor Việt Nam) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014.

- Ngành nghề kinh doanh:

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- ✓ Kinh doanh bất động sản (6810);
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659);
- ✓ Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại (4719);
- ✓ Hoạt động tư vấn quản lý (7020);
- ✓ Hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ cao (7210; 7220);
- ✓ Giáo dục mầm non (8510);

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng), với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương đương 30.000.000 cổ phần.

Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
Công ty con		
Viện Quản lý và Phát triển châu Á	Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	59,48%
Công ty CP Pink House Việt Nam	Số 98, ngõ 178, Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội	95%
Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Số 62, ngõ 322, Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội	95%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Tầng 4, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	99%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Công ty Cổ phần AMD Smart	Số 15- BTI Khu nhà ở Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	98%
Công ty liên kết	Khu phố 03 Đòai, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	40%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 là: 8.413.9169.912 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2015 là: 28.054.733.899 VND.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2015 đến 30/09/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	08/01/2014
Ông Ngô Quốc Chính	Ủy viên HĐQT	08/01/2014
Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên HĐQT	08/01/2014
Ông Vũ Phạm Hải Đăng	Ủy viên HĐQT	08/01/2014
Bà Đàm Thị Ngân	Ủy viên HĐQT	08/01/2014

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng Ban kiểm soát	08/01/2014	
Ông Hồ Sĩ Bắc	Thành viên Ban kiểm soát	08/01/2014	
Bà Lê Thị Hoàng Anh	Thành viên Ban kiểm soát	10/02/2015	

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Đức	Tổng Giám đốc	02/01/2014
Ông Ngô Công Chính	Phó tổng giám đốc	02/01/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Ông Nguyễn Đăng Tâm	Phó tổng giám đốc	02/01/2014
Ông Đào Tiến Đức	Phó tổng giám đốc	20/10/2015

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2015

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đức
Nguyễn Tiến Đức

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		349,848,222,037	230,696,984,927
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	16,449,447,944	18,153,267,884
1. Tiền	111		16,449,447,944	18,153,267,884
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	288,515,663	288,515,663
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		288,515,663	288,515,663
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		301,162,808,991	183,200,037,604
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	253,503,370,872	95,170,320,441
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,470,381,342	1,059,753,836
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		10,000,000,000	57,000,000,000
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4	35,189,056,777	29,969,963,327
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	31,719,914,747	28,654,533,592
1. Hàng tồn kho	141		31,719,914,747	28,654,533,592
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		227,534,692	400,630,184
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13	164,402,165	232,156,415
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		63,132,527	168,473,769
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		285,647,531,407	239,029,538,715
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,767,199,236	1,767,199,236
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4	1,767,199,236	1,767,199,236
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
II. Tài sản cố định	220		5,049,528,180	5,225,369,488
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	5,049,528,180	5,225,369,488
- Nguyên giá	222		7,733,990,166	7,635,656,833
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,684,461,986)	(2,410,287,345)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.8	36,229,211,827	36,229,211,827
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		36,229,211,827	36,229,211,827
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2	90,808,710,835	39,858,048,443
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		40,143,569,157	39,858,048,443
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50,000,000,000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		665,141,678	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		151,792,881,329	155,949,709,721
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13	17,332,865,915	17,437,522,721
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		(37,325,586)	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	VI.14	134,497,341,000	138,512,187,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		635,495,753,444	469,726,523,642

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		289,059,966,117	127,494,755,168
I. Nợ ngắn hạn	310		281,306,716,117	119,716,455,168
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	246,020,297,033	70,185,599,813
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23,821,059,454	22,365,668,652
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	8,150,175,447	5,900,404,371
4. Phải trả người lao động	314		2,534,202	153,479,430
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	5,200,000	5,200,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	282,250,787	437,303,708
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	1,240,000,000	18,883,600,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,785,199,194	1,785,199,194
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7,753,250,000	7,778,300,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331	VI.16	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.18	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.15	7,753,250,000	7,778,300,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		346,435,787,327	342,231,768,474
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	346,435,787,327	342,231,768,474
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300,000,000,000	300,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300,000,000,000	300,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		262,959,345	262,959,345
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,785,199,194	1,785,199,194
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		892,599,597	892,599,597
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		28,054,733,899	24,378,436,553
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8,139,158,395	20,548,613,577
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19,915,575,504	3,829,822,976
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15,440,295,292	14,912,573,785
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	VI.28	-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		635,495,753,444	469,726,523,642

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2015

Người lập



Đinh Đặng Thủy Anh

Phụ Trách Kế toán



Đinh Đặng Thủy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuý ết	Quý 3/2015		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	VII.1	265,070,615,829	151,549,899,680	714,130,065,221	340,215,008,118
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	157,035,829	168,193,385	479,664,715	168,193,385
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		264,913,580,000	151,381,706,295	713,650,400,506	340,046,814,733
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	252,953,868,902	144,095,195,062	678,534,195,400	319,901,322,962
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11,959,711,098	7,286,511,233	35,116,205,106	20,145,491,771
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	13,358,311	2,110,883,808	2,134,248,442	15,284,424,365
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	218,913,818	61,004,717	483,152,071	77,873,051
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		218,913,818	60,895,928	359,494,595	77,562,756
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		808,800		-583,182	
9. Chi phí bán hàng	25	VII.8	36,219,385	228,849,570	419,833,760	702,093,504
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	5,959,237,275	6,466,297,446	17,809,300,855	16,034,003,437
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,759,507,731	2,641,243,308	18,537,583,680	18,615,946,144
12. Thu nhập khác	31	VII.6	39,778,453	1,630,488,263	583,139,553	2,884,086,344
13. Chi phí khác	32	VII.7	47,024,123	1,338,840,459	392,309,902	2,015,597,360
14. Lợi nhuận khác	40		(7,245,670)	291,647,804	190,829,651	868,488,984
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,752,262,061	2,932,891,112	18,728,413,331	19,484,435,128
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,179,275,893	1,724,516,520	6,741,510,251	6,871,380,874
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(29,759,432)	-	-29,759,432	
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3,602,745,600	1,208,374,592	12,016,662,512	12,613,054,254
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty	61		3,448,706,527	1,022,269,240	11,589,163,195	12,300,968,543
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		154,039,073	186,105,352	427,499,317	312,085,711
					18,537,583,680	
					0	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		114.96	34.08	386.31	437.84
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập

Đinh Đặng Thủy Anh

Phụ trách Kế toán

Đinh Đặng Thủy Anh



Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2015

Tổng Giám đốc

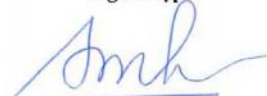
Nguyễn Tiến Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		132,276,697,109	494,501,046,126
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(103,104,023,491)	(485,142,144,548)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3,166,281,296)	(5,282,411,648)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(70,116,657)	(140,580,777)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1,197,912,904)	(3,364,884,507)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12,439,714,327	8,283,136,336
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8,592,468,932)	(20,076,651,703)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28,585,608,156	(11,222,490,721)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(45,003,399,000)	(1,198,300,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22,600,000,000)	(106,800,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		56,100,000,000	118,678,004,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5,365,434,341)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12,799,220	1,907,612,870
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16,856,034,121)	12,587,316,870
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		4,900,000,000	100,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		591,300,000	2,473,596,440
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(18,124,950,000)	(1,740,741,240)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(135,000,000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(664,743,975)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13,433,393,975)	832,855,200
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1,703,819,940)	2,197,681,349
	60			-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18,153,267,884	15,955,586,535
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	16,449,447,944	18,153,267,884

Người lập



Đinh Đặng Thủy Anh

Phụ Trách Kế toán



Đinh Đặng Thủy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Đức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2015 đến 30/09/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group (Tên cũ: Công ty Cổ phần Fikor Việt Nam) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, tòa nhà Việt Úc (VAS), khu đô thị Mỹ Đình 1, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng chẵn) với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần tương đương 30.000.000 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Giáo dục mầm non;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản;

- Đại lý, môi giới, đầu giá;

Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán);

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;

Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;

- Quảng cáo;

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);

- Vận tải hành khách đường bộ khác;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;

- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);

- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;

- Cho thuê xe có động cơ;

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết:

Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;

Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

- Giáo dục nghề nghiệp;

Chi tiết: Dạy nghề;

- Giáo dục mầm non;

- Giáo dục tiểu học;

- Đào tạo cao đẳng;

- Giáo dục thể thao và giải trí;

- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;

- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

- Đại lý du lịch;

- Điều hành tua du lịch;

- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;

- Sửa chữa thiết bị liên lạc;

- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;

- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng);
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết:

Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị điện khác dùng trong mạch điện);

Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);

Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;

- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết:

Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;

Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;

Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;

Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;

Bán buôn sách, báo tạp chí, văn phòng phẩm;

Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;

Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao;

- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay;

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp đám cưới...);

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương án thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất nơi thăm dò;

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

- Khai thác quặng sắt;

- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm

Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)

Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);

Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;

Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;

- Bán lẻ nhiên liệu, động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;

- Bán buôn đồ uống;

- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào

Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Vận tải hành khách đường thủy nội địa

- Vận tải hàng hóa đường sắt

- Vận tải hành khách đường sắt

Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng đường sắt theo hợp đồng và theo tuyến cố định;

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);

Chi tiết: Dịch vụ xoa bóp (không bao gồm day, ấn huyệt và các dịch vụ gây chảy máu khác);

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm và các dịch vụ liên quan;

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Dịch vụ phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;

- Khai thác và thu gom than cốc;

- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất than cốc;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu

Chi tiết:

Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;

Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự;

Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;

- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ phân bón, thuốc trừ sâu);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lập trình máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
Chi tiết: Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà hợp nhất, nhà máy, cửa hàng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
- Sản xuất xe có động cơ;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng, đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết:
 - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;*
 - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;*
 - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;*
 - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc);*
 - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;*
 - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;*
 - Bán lẻ hàng hoá khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;*
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
Chi tiết: bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống (đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn), thuốc lá nội, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
Chi tiết:

Bán lẻ đồ uống có cồn;

Bán lẻ đồ uống không có cồn.

- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động chiếu phim;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất giày dép;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;

Chi tiết: Vận chuyển gỗ và lâm sản khác đến cửa rừng;

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất rượu vang;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Hoạt động thể thao khác;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;

Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Vì Công ty kinh doanh đa ngành nghề nên không xác định chu kỳ kinh doanh thông thường.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

5. Cấu trúc tập đoàn

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
Công ty con		
Viện Quản lý và Phát triển châu Á	Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	59,48%
Công ty CP Pink House Việt Nam	Số 98, ngõ 178, Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội	95%
Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Số 62, ngõ 322, Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội	95%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Tầng 4, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	99%
Công ty Cổ phần AMD Smart	Số 15- BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	98%
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Doài, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	40%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh của Công ty bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí, lệ phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0), chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, thực hiện lập sự phòng giảm giá nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

-Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

-Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25/4/2014. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-55 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-06 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Việc khấu hao bất động sản đầu tư thực hiện như sau:

- Đối với bất động sản đầu tư cho thuê: Thực hiện tính khấu hao như qui định
- Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá: Không tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group và Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng ý cùng hợp tác kinh doanh để khai thác thương mại Công trình và tài sản trên đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê nhà xưởng số 68/2011/HĐT/NX là 7 năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 01/04/2014. Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đóng góp bằng quyền khai thác đất, công trình, tài sản trên đất, Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group đóng góp bằng chi phí đầu tư, cải tạo tương đương 22.000.000.000 VND (bao gồm thuế GTGT).

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group được hưởng một khoản lợi nhuận cố định hàng năm là 5 tỷ đồng, áp dụng trong 5 năm đầu. Kể từ năm thứ sáu trở đi, khoản lợi nhuận cố định này sẽ được các bên thống nhất điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:
Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở để xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác. đat

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a) Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, việc loại trừ khoản đầu tư của Công ty mẹ vào công ty con được thực hiện khi đã thực hiện điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- Trường hợp trước ngày Công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, Công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể đến công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, trên Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Trường hợp trước ngày Công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, trên Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn

chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào các chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

b) Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

- Trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu. Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng giá trị tài sản thuần của công ty con (không bao gồm cổ tức ưu đãi phải trả và quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trích lập trong kỳ) nhân (x) với tỷ lệ mà cổ đông không kiểm soát sở hữu.
- Trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục “Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát”. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

c) Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

1. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho trong nội bộ tập đoàn

- Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

- Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định như sau:

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho cuối kỳ	Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ tính theo giá bán nội bộ	Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ tính theo giá vốn của bên bán hàng
---	---	---

- Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Việc loại trừ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giao dịch công ty mẹ bán hàng cho công ty con không ảnh hưởng đến việc phân chia lợi ích cho các cổ đông không kiểm soát của công ty con vì toàn bộ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện thuộc về công ty mẹ.

- Trường hợp công ty con ghi nhận lãi hoặc lỗ từ giao dịch bán hàng nội bộ trong tập đoàn thì lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho phải được phân bổ giữa công ty mẹ và các cổ đông không kiểm soát theo tỷ lệ lợi ích của các bên.

- Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán hàng nội bộ cũng phải được loại bỏ, trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được. Trường hợp giá bán hàng nội bộ thấp hơn giá gốc của hàng hóa mua vào, kế toán phải đánh giá khả năng bên mua hàng sẽ bán được hàng tồn kho này với giá cao hơn giá gốc của tập đoàn. Trường hợp xét thấy bên mua hàng không thể bán được hàng với giá cao hơn giá gốc của tập đoàn thì việc phản ánh khoản lỗ chưa thực hiện là phù hợp với việc ghi nhận hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của tập đoàn do đó không cần phải thực hiện việc loại trừ.

- Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã loại trừ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch nội bộ, tuy nhiên cơ sở tính thuế của hàng tồn kho được xác định trên cơ sở hóa đơn mua hàng đã có lãi hoặc lỗ từ các giao dịch bán hàng nội bộ.

- Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối kỳ trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Việc loại trừ khoản lỗ trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phát sinh từ giao dịch nội bộ chỉ được thực hiện khi chắc chắn rằng giá vốn xét trên phương diện tập đoàn đối với lô hàng này vẫn nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Trong trường hợp đó, việc loại trừ khoản lỗ trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho trong Báo cáo tài chính hợp nhất lớn hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ tạo ra chênh lệch tạm thời phải chịu thuế và làm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và làm tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong BCĐKT hợp nhất.

2. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ

- Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

- Trường hợp tài sản cố định được bán có lãi thì chi phí khấu hao đang được ghi nhận trong Báo cáo tài chính riêng của bên mua tài sản cố định sẽ cao hơn chi phí khấu hao xét trên phương diện của cả tập đoàn, do đó trong Báo cáo tài chính hợp nhất kế toán phải điều chỉnh giảm chi phí khấu hao và hao mòn lũy kế do ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

- Khi loại trừ lãi chưa thực hiện trong giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn thì giá trị ghi sổ của tài sản cố định trong Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó nên kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với số lãi chưa thực hiện bị loại trừ khỏi giá trị TSCĐ. Trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản mục chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng phải được ghi giảm số tiền tương ứng với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của tập đoàn. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ giao dịch bán tài sản cố định giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ được hoàn nhập dần hàng kỳ khi kế toán điều chỉnh giảm chi phí khấu hao của tập đoàn.

- Trường hợp giao dịch bán TSCĐ giữa các đơn vị thuộc tập đoàn làm phát sinh một khoản lỗ thì giá trị ghi sổ của tài sản cố định xét trên phương diện tập đoàn sẽ lớn hơn cơ sở tính thuế của nó nên Báo cáo tài chính hợp nhất phải phản ánh được phần thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với số lỗ chưa thực hiện nằm trong giá trị TSCĐ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải phản ánh được số tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng với việc tăng lợi nhuận của tập đoàn. Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ giao dịch bán tài sản cố định giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ được hoàn nhập dần hàng kỳ khi kế toán điều chỉnh tăng chi phí khấu hao của tập đoàn.

- Trường hợp phát sinh lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ giao dịch công ty con bán TSCĐ trong nội bộ tập đoàn thì khi xác định lợi ích cổ đông không kiểm soát, kế toán phải xác định phần lãi hoặc lỗ chưa thực hiện cần phân bổ cho các cổ đông không kiểm soát và điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát.

3. Điều chỉnh và loại trừ ảnh hưởng của giao dịch chuyển hàng tồn kho thành tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn

- Trường hợp một đơn vị trong tập đoàn bán hàng hoá, thành phẩm cho đơn vị khác trong tập đoàn sử dụng làm tài sản cố định thì toàn bộ doanh thu bán hàng hoá, giá vốn hàng bán và lợi nhuận chưa thực hiện trong nguyên giá TSCĐ phải được loại trừ hoàn toàn.

- Nếu giao dịch bán hàng nội bộ có lãi thì chi phí khấu hao đang được ghi nhận trong Báo cáo tài chính riêng của bên mua tài sản cố định sẽ cao hơn chi phí khấu hao xét trên phương diện của cả tập đoàn, do đó trong Báo cáo tài chính hợp nhất kế toán phải điều chỉnh chi phí khấu hao và hao mòn lũy kế do ảnh hưởng của giao dịch chuyển hàng tồn kho thành tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

- Khi loại trừ lãi chưa thực hiện trong nguyên giá tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn thì giá trị ghi sổ của tài sản cố định trong Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó nên kế toán phải phân ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với số lãi chưa thực hiện nằm trong nguyên giá TSCĐ. Trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản mục chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng phải được ghi giảm số tiền tương ứng với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc giảm lợi nhuận của tập đoàn. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong nguyên giá tài sản cố định của bên mua hàng sẽ được hoàn nhập dần hàng kỳ khi kế toán điều chỉnh giảm chi phí khấu hao của tập đoàn.

- Trường hợp hàng tồn kho được bán lỗ thường thể hiện lợi ích kinh tế mang lại trong tương lai của tài sản nhỏ hơn giá gốc của nó. Trường hợp này kế toán sẽ không loại trừ lỗ từ giao dịch bán hàng trong nội bộ tập đoàn trừ khi chắc chắn rằng khoản lỗ này có thể được thu hồi.

- Khi loại trừ lãi (lỗ) chưa thực hiện phát sinh từ lợi nhuận trong giao dịch công ty con bán hàng hoá, thành phẩm thì kế toán phải xác định phần lãi, lỗ chưa thực hiện cần phân bổ cho các cổ đông không kiểm soát khi xác định lợi ích cổ đông không kiểm soát.

4. Điều chỉnh và loại trừ ảnh hưởng của giao dịch góp vốn bằng tài sản phi tiền tệ vào công ty con

- Khi góp vốn bằng tài sản phi tiền tệ vào công ty con, công ty mẹ phải ghi nhận khoản đầu tư vào công ty con và thực hiện loại trừ giá trị khoản đầu tư vào công ty con, ghi nhận lợi thế thương mại (hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ nếu có).

- Trường hợp có chênh lệch giữa giá đánh giá lại với giá trị còn lại của tài sản mang đi góp vốn thì sẽ phát sinh lãi hoặc lỗ trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ. Tuy nhiên, khoản lãi, lỗ này được coi là chưa thực hiện nên phải bị loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Do lãi, lỗ phát sinh từ giao dịch này được coi là chưa thực hiện nên giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ khác cơ sở tính thuế của nó. Vì vậy, kế toán phải ghi nhận tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả đối với các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ giao dịch này.

- Do giá trị ghi sổ mới của tài sản trên báo cáo tài chính của bên mua khác so với giá trị ghi sổ ban đầu trên báo cáo tài chính của bên bán nên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán phải điều chỉnh giá trị ghi sổ mới của tài sản về giá trị ghi sổ ban đầu, loại trừ ảnh hưởng của sự thay đổi trong hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao.

5. Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con

- Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại

trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

- Trường hợp công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu:

*) Các công ty mẹ thuộc sở hữu Nhà nước nếu đã ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính và giá trị khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải ghi giảm toàn bộ số doanh thu hoạt động tài chính (trong kỳ phát sinh) hoặc ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (trong các kỳ sau) và ghi giảm giá trị khoản đầu tư đã ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng.

*) Các công ty mẹ không thuộc đối tượng tại điểm a nêu trên không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo tài chính riêng.

*) Giá trị cổ phiếu công ty con phát hành thêm do trả cổ tức đang được trình bày tại chỉ tiêu “Vốn đầu tư của chủ sở hữu” thuộc Bảng cân đối kế toán của công ty con được chuyển sang trình bày tại chỉ tiêu “Vốn khác của chủ sở hữu” thuộc Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

6. Các khoản vay trong nội bộ

- Các khoản vay trong nội bộ tập đoàn chưa trả phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn”, “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn”, khoản mục “Phải thu về cho vay ngắn hạn”, “Phải thu về cho vay dài hạn khác” phải được loại trừ toàn bộ.

- Trường hợp vay nội bộ để đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang:

+ Các khoản chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hoá vào giá trị tài sản dở dang phải được loại trừ hoàn toàn.

+ Trường hợp một đơn vị trong tập đoàn đi vay bên thứ ba (ngoài tập đoàn) để cho đơn vị khác cũng trong nội bộ tập đoàn vay lại thì số tiền trả lãi cho bên thứ ba được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo tài chính riêng của bên đi vay nhưng phải được vốn hoá trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Vì vậy, phải thực hiện bút toán điều chỉnh đối với khoản chi phí lãi vay đã ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Khoản mục “Doanh thu hoạt động tài chính” trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của bên cho vay phải được loại trừ. Trường hợp này làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại do giá trị ghi sổ của tài sản dở dang trên Báo cáo tài chính hợp nhất thấp hơn cơ sở tính thuế của nó. Khi kết thúc thời kỳ đầu tư hoặc xây dựng tài sản, số lợi nhuận chưa thực hiện này thông qua chi phí khấu hao sẽ chuyển thành lợi nhuận thực hiện. Thời gian khấu hao của TSCĐ là thời kỳ hoàn nhập của tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

- Trường hợp lãi vay chưa được thanh toán và đang phản ánh trong các khoản mục phải thu, khoản mục phải trả thì các khoản mục chứa đựng số phải thu, phải trả này cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

7. Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác

- Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước... phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Kế toán lập Bảng tổng hợp và đối chiếu số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sau đó thực hiện việc loại trừ.
- Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

23. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

24. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

VI.

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
Tiền mặt	12,915,189,411	16,865,793,130
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,534,258,533	1,287,474,754
Cộng	16,449,447,944	18,153,267,884

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	Cuối năm		Dự phòng	Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý		Giá gốc	Giá trị hợp lý	
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
b1) Ngắn hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn			Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Trái phiếu			288,515,663	288,515,663	288,515,663	288,515,663
- Các khoản đầu tư khác						
			288,515,663	288,515,663	288,515,663	288,515,663

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào Công ty con	271,387,600,000		-	266,987,600,000		-
+ Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	178,437,600,000			178,437,600,000		-
+ Công ty Cổ phần Pink House Việt Nam	14,250,000,000			14,250,000,000		-
+ Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật AC.FTECH	9,500,000,000			5,100,000,000		-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	59,400,000,000			59,400,000,000		-
Công ty Cổ phần AMD Smart	9,800,000,000			9,800,000,000		-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	40,000,000,000		-	40,000,000,000		-
+ Công ty Cổ phần Decohouse	40,000,000,000			40,000,000,000		-

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh liên kết:

Viện Quản lý và Phát triển Châu Á - AMDI: là một tổ chức khoa học công nghệ thực hiện hoạt động tư vấn, nghiên cứu và đào tạo về quản lý và phát triển nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo ra những thay đổi tích cực, bền vững cho tổ chức. AMDI được Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp Giấy phép đăng ký số A-573 năm 2006 và là một thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA).

Công ty cơ khí và vật tư và thiết bị khoa học ACETECH: là đơn vị trực thuộc AMD GROUP, ACETECH lấy việc cung cấp thiết bị khoa học kỹ thuật và chuyên gia công nghệ làm nền tảng. Các hoạt động kinh doanh của công ty nằm trong lĩnh vực cung cấp thiết bị Khoa học Công nghệ, thiết bị Y tế, thiết bị Giáo dục, thiết bị Dạy nghề và dịch vụ kỹ thuật: thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ cao. ACETECH có ưu thế là tiếp cận nhanh với những công nghệ hiện đại, tiên tiến cũng như phương pháp quản lý khoa học. ACETECH đang từng bước khẳng định mình trong thị trường cũng như góp phần vào sự phát triển khoa học kỹ thuật của đất nước.

Công ty cổ phần Pink House Việt Nam: là đơn vị trực thuộc AMD GROUP và được phát triển theo mô hình của hệ thống giáo dục mầm non chuyên nghiệp. Pink House được trang bị hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, quy trình đào tạo chuẩn mực, chuyên nghiệp. Hiện tại hệ thống Pink House có khả năng tiếp nhận và chăm sóc cho khoảng 400 cháu/năm và sẽ tiếp tục được mở rộng trong thời gian sắp tới. Chương trình học tập của Pink House là một chương trình mở với nhiều hình thức tổ chức hoạt động thú vị phong phú. Phương pháp giảng dạy tại Pink House có tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm trong mọi hoạt động, tôn trọng ước muốn của trẻ và

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn: được thành lập ngày 03/11/2014 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng, tăng vốn lên 60 tỷ đồng theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi ngày 12/06/2015, trong đó AMD GROUP sở hữu 99% vốn cổ phần. CTCP Dịch vụ và Thương mại Đông Sơn có ngành nghề chính là kinh doanh xăng dầu và vật liệu xây dựng. Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để triển khai thực hiện Dự án cửa hàng kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng và trạm dừng đỗ xe tại Bắc Ninh. Dự án này được kỳ vọng sẽ mang lại nguồn lợi nhuận không nhỏ cho Công ty Đông Sơn nói riêng và AMD GROUP nói chung đồng thời góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh cũng như tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương.

Công ty Cổ phần DECOHOUSE: Công ty đặt trụ sở tại thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, công ty DECOHOUSE hiện đang đầu tư phát triển một dự án xây dựng Khu nhà nghỉ sinh thái, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại tại xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Dự án là sự kết hợp giữa các hoạt động thương mại, kết hợp với các hoạt động nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, là một bước chuyển đổi trong việc phát triển, hình thành một tổ hợp thương mại dịch vụ khuyến khích các sản phẩm nông sản đến người tiêu dùng.

Công ty Cổ phần AMDSMART: được thành lập ngày 09/06/2015 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng, trong đó AMD GROUP sở hữu 51% vốn cổ phần. Công ty CP AMDSMART có ngành nghề chính là thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm. Hiện Công ty đang triển khai dự án hoàn thiện giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt cho lĩnh vực y tế và giáo dục, cụ thể đang tiến hành cho bệnh viện Hà Thành của Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF. Đây là sản phẩm còn mới so với các sản phẩm cùng loại tại Việt Nam, sản phẩm và dịch vụ này kỳ vọng sẽ mang lại nguồn lợi nhuận không nhỏ cho Công ty AMDSMART nói riêng và AMD GROUP nói chung đồng thời góp phần thay đổi thói quen sử dụng tiền mặt của người tiêu dùng Việt Nam và thúc đẩy các biện pháp thanh toán không dùng tiền mặt mà Ngân hàng nhà nước đang khuyến khích.

3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu)	255,532,185,619	95,170,320,441
- Công ty Cổ phần TM và KT Khoáng sản Dương Hiếu	35,086,711,720	25,182,067,020
- Công ty TNHH MTV Cốp Pha Thép Thái		25,116,963,289
- Công ty TNHH Thiên Thuận Tường	12,565,492,270	34,868,980,677
- Công ty TNHH MYV Thái Hưng Hà Nội	9,738,629,700	
- Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	5,141,779,497	5,141,779,497
- Công ty TNHH TV và PTCH CTECH Việt Nam	3,482,937,000	
- Công ty TNHH ĐT và PT Địa Ốc HAI	16,420,140,000	
- Công ty cổ phần xây dựng Faros (*)	167,120,330,001	
- Các đối tượng khác	5,976,165,431	4,860,529,958

Khoản phải thu từ công ty CP Faros khách hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán vào ngày 21/10/2015)

4 PHẢI THU KHÁC VỀ CHO VAY VÀ PHẢI THU KHÁC	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	35,189,056,777		29,969,963,327	
- Phải thu khác	25,868,327,100		22,671,653,350	
- Tạm ứng	9,182,418,677		7,161,309,977	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	112,500,000		137,000,000	
- Phải trả, phải nộp khác (dư nợ)	25,811,000			
- Phải thu về cho vay	10,000,000,000		57,000,000,000	
+ Đinh Thị Hải Ninh			9,800,000,000	
+ Nguyễn Thị Hòa	4,500,000,000		20,000,000,000	
+ Nguyễn Minh Phương	5,500,000,000		20,000,000,000	
+ Vũ Thị Nhưông			7,200,000,000	
b) Dài hạn	1,767,199,236		1,767,199,236	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1,767,199,236		1,767,199,236	

5 HÀNG TỒN KHO	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Hàng mua đang đi đường		-
Nguyên vật liệu	3,690,795,003	3,690,795,003
Công cụ, dụng cụ		-
Chi phí SXKD dở dang	9,161,072,415	3,413,930,644
Thành phẩm nhập kho		-
Hàng hóa	7,909,771,076	21,549,807,945
Hàng gửi bán	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
Hàng hoá bất động sản	10,958,276,253	-
Cộng	31,719,914,747	28,654,533,592

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ vào cuối kỳ:
- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ vào cuối kỳ:

6 TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
b) Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết các công trình)	36,229,211,827	36,229,211,827	36,229,211,827	36,229,211,827
+ Dự án xây dựng Trung tâm đào tạo Xuân Phương	33,303,762,442	33,303,762,442	33,303,762,442	33,303,762,442
+ Dự án Đại học tổng hợp Bắc Ninh	2,911,813,021	2,911,813,021	2,911,813,021	2,911,813,021
+ Chi phí dự án của Công ty CP TM và DV Đông	13,636,364	13,636,364	13,636,364	13,636,364

+ Xây dựng cơ bản khác

+ Sửa chữa

7 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm			6,759,856,833	678,436,364	197,363,636	7,635,656,833
1 tăng trong năm	197,872,123	107,272,727	-	-	-	305,144,850
2 giảm trong năm	197,872,123	107,272,727				305,144,850
3 Giảm trong năm	-	8,939,394	197,872,123	-	-	206,811,517
- Giảm khác		8,939,394	197,872,123			206,811,517
Số dư cuối năm	197,872,123	98,333,333	6,561,984,710	678,436,364	197,363,636	7,733,990,166
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm			2,159,202,742	183,475,804	67,608,800	2,410,287,346
1 tăng trong năm	-	-	181,627,671	92,546,970	-	274,174,641
2 giảm trong năm			181,627,671	92,546,970	-	274,174,641
- Số khấu hao trong năm						-
- Tăng khác						-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	-	-	2,340,830,413	276,022,774	67,608,800	2,684,461,987
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	4,600,654,091	494,960,560	129,754,836	5,225,369,487
2. Tại ngày cuối năm	197,872,123	98,333,333	4,221,154,297	402,413,590	129,754,836	5,049,528,179

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a) Ngắn hạn	164,402,165	232,156,415
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
- Chi phí mua bảo hiểm		
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	164,402,165	232,156,415
b) Dài hạn	17,332,865,915	-
- Chi phí đầu tư cải tạo công trình EBEST(*)	16,712,109,950	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	620,755,965	
Cộng	17,497,268,080	232,156,415

(*) Chi phí đầu tư, cải tạo khu đất, công trình trên đất của trung tâm thương mại EbestMall theo hợp đồng số 0805/2014/HTKD-AMD ngày 01/04/2014. Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group và Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng ý cùng hợp tác kinh doanh để khai thác thương mại Công trình và tài sản trên đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê nhà xưởng số 68/2011/HĐTNX là 7 năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 01/04/2014. Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đóng góp bằng quyền khai thác đất, công trình, tài sản trên đất, Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group đóng góp bằng chi phí đầu tư, cải tạo tương đương 22.000.000.000 VND (bao gồm thuế GTGT).

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group được hưởng một khoản lợi nhuận cố định hàng năm là 5 tỷ đồng, áp dụng trong 5 năm đầu. Kể từ năm thứ sáu trở đi, khoản lợi nhuận cố định này sẽ được các bên thống nhất điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

9 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a) Ngắn hạn	138,512,187,000	160,593,840,000
Giá trị lợi thế thương mại đầu kỳ		0
Lợi thế thương mại tăng trong kỳ		
Giá trị lợi thế thương mại giảm do chuyển nhượng một phần vốn góp	4,014,846,000	22,081,653,000
Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	134,497,341,000	138,512,187,000
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại tại ngày cuối kỳ kế toán		
Cộng		

10 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1,240,000,000	-	-	-	18,883,600,000	18,883,600,000
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Decohouse (*)					17,500,000,000	17,500,000,000
Vay ngắn hạn ngân hàng	1,105,000,000				1,113,600,000	1,113,600,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	135,000,000				270,000,000	270,000,000
b) Vay dài hạn	7,753,250,000	-	-	-	7,778,300,000	7,778,300,000
Vay ngân hàng (**)	1,295,000,000				1,295,000,000	1,295,000,000

Vay dài hạn của Công ty CP Vật tư và thiết bị khoa học kỹ thuật Acetech (***)	458,250,000			483,300,000	483,300,000
Vay các đối tượng khác	6,000,000,000			6,000,000,000	6,000,000,000
Cộng	8,993,250,000	-	-	26,661,900,000	26,661,900,000

(**) Là khoản vay Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội để đầu tư 01 xe Mercedes Benz S400L, 05 chỗ, mới 100% đời 2014, sản xuất tại Việt Nam. Thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất: 10,5%/năm (được áp dụng tới ngày 03/07/2014) và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh. Hình thức đảm bảo tiền vay: đảm bảo bằng tài sản được hình thành bằng vốn vay. Kế hoạch trả nợ gốc: 1 tháng/lần, mỗi kỳ: 45.000.000 đồng.

(***) Là khoản vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Hội Sở để đầu tư 01 xe Chevrolet Cruze LTZ, mới 100%. Thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất 6%/năm (cố định trong 6 tháng đầu tiên) và sau đó điều chỉnh kỳ đầu tiên vào ngày 07/10/2015, Điều chỉnh kỳ tiếp theo vào ngày 01/1/2016, sau đó điều chỉnh định kỳ 3 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, mức điều chỉnh lãi suất bằng : Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh+ biên độ 5,0 %/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản được hình thành bằng vốn vay. Kế hoạch trả nợ gốc : 1 tháng/1 lần, mỗi kỳ: 8.350.000 đồng, kỳ cuối cùng

(****) Đây là khoản vay cá nhân của các thành viên góp vốn vào Viện Quản lý và Phát triển Châu Á để đầu tư xây dựng Trung tâm đào tạo Nguồn nhân lực quản lý tại xã Xuân Phương - huyện Từ Liêm - Hà Nội. Lãi suất: 0%, thời hạn: 5 năm.

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	246,020,297,033	246,020,297,033	70,185,599,813	35,078,256,066
- Công ty CP tập đoàn FLC	185,152,810,000	185,152,810,000	35,107,343,747	-
- Công ty TNHH TM Thái Hưng	35,039,327,900	35,039,327,900	-	-
- Chi nhánh CTCP TM Thái Hưng	9,709,446,700	9,709,446,700	25,123,976,900	25,123,976,900
- Công ty Cổ phần TM Đông Sơn	11,922,255,059	11,922,255,059	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	-	-	-	-
- Các đối tượng khác	4,196,457,374	4,196,457,374	9,954,279,166	9,954,279,166

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT	203,747,362	1,155,173,982	203,747,362	1,155,173,982
- Thuế TNDN	4,904,870,214	5,851,384,007	4,904,870,214	5,851,384,007
- Thuế TNCN	791,786,795	1,143,617,458	791,786,795	1,143,617,458
....				
Cộng	5,900,404,371	8,150,175,447	5,900,404,371	8,150,175,447

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Các khoản trích trước khác	5,200,000	5,200,000
Cộng	5,200,000	5,200,000

14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Bảo hiểm xã hội	38,607,075	77,413,700
- Phải trả, phải nộp khác	243,643,712	89,000,000
- Phải thu khác (dư có)	-	270,890,008
Cộng	282,250,787	437,303,708

15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	300,000,000,000		1785199194	892,599,597	24,378,436,553	327,056,235,344
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước						-
Tăng khác		262,959,345				262,959,345
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác						-
Số dư đầu năm	300,000,000,000	262,959,345	1,785,199,194		24,378,436,553	327,319,194,689
Tăng vốn trong kỳ						-
Lãi trong kỳ					3,602,745,600	3,602,745,600
Tăng khác						-
Giảm vốn trong kỳ						-
Lỗ trong kỳ						-
Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	300,000,000,000	262,959,345	1,785,199,194	-	27,981,182,153	330,921,940,289

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của các đối tượng khác

Tỷ lệ vốn góp	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
100%	300,000,000,000	300,000,000,000

d) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30,000,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30,000,000	30,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30,000,000	30,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	30,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
e) Các quỹ của doanh nghiệp	1,785,199,194	1,785,199,194
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	892,599,597	892,599,597
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
30 CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH		
1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Kỳ này	Kỳ trước
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	90,062,975,820	241,346,533,747
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6,344,203,842	33,269,503,774
- Doanh thu hàng hóa bất động sản	168,663,436,167	174,443,411,871
Cộng	265,070,615,829	449,059,449,392
2 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Kỳ này	Kỳ trước
Hàng bán bị trả lại	157,035,829	322,628,886
Cộng	157,035,829	322,628,886
3 GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng đã bán	86,243,560,693	238,907,904,900
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3,019,254,445	17,547,719,727
Giá vốn hàng hóa bất động sản	163,691,053,764	169,124,701,871
Cộng	252,953,868,902	425,580,326,498
4 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, cho vay	9,487,255	2,098,525,637
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,871,056	9,398,291
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		12,966,203
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	13,358,311	2,120,890,131
5 CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	70,116,657	52,444,514
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		123,657,476
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		
Chi phí dự phòng tài chính khác	148,797,161	88,136,263
Chi phí tài chính khác		
Cộng	218,913,818	264,238,253
6 THU NHẬP KHÁC	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản khác	39,778,453	543,361,100
Cộng	39,778,453	543,361,100
7 CHI PHÍ KHÁC	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản bị phạt		63,146,056
- Các khoản khác	47,024,123	282,139,723
Cộng	47,024,123	345,285,779
8 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ:	2,015,573,093	12,233,677,955
Chi phí nhân viên	952,976,983	1,961,449,970
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	11,154,086	
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	337,221,221	70,123,425

Chi phí khấu hao tài sản cố định	246,027,672	446,948,584
Chi phí bảo hành	55,202,471	132,910,222
Thuế, phí, lệ phí		8,029,692,000
Lợi thế thương mại phân bổ	274,818,443	1,070,167,686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138,172,217	522,386,068
Chi phí bằng tiền khác	-	-
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ:		
Chi phí nhân viên		
Cộng	2,015,573,093	12,233,677,955

P
A
N
H
S

	Kỳ này	Kỳ trước
9 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
Chi phí nhân công	952,976,983	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246,027,672	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	667,242,135	
Chi phí bằng tiền khác	138,172,217	
Cộng	2,004,419,007	0
10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,752,262,061	12,976,151,270
Thuế suất thuế TNDN	22	
Thuế TNDN hiện hành	2,179,275,893	4,562,234,358
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3,602,745,600	8,413,916,912

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên đều được coi là có trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	3,534,258,533	1,287,474,754
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	91,097,226,498	76,087,260,270
Phải thu khách hàng và phải thu khác	123,692,427,649	125,140,283,768

5 Thông tin về các bên liên quan

a). Số dư công nợ phải thu về cho vay với các bên liên quan tại 30/06/2015:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Gía trị
b) Thủ lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc			
Họ và tên	Chức vụ		Năm nay VND
Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT		15,000,000
Ngô Công Chính	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc		9,000,000
Nguyễn Quốc Trường	Thành viên HĐQT		9,000,000
Vũ Phạm Hải Đăng	Thành viên HĐQT		9,000,000
Đàm Thị Ngân	Thành viên HĐQT		9,000,000
Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng Ban kiểm soát		9,000,000
Lê Thị Hoàng Anh	TV Ban kiểm soát		6,000,000
Hồ Sỹ Bắc	TV Ban kiểm soát		6,000,000
Tổng cộng			72,000,000

6 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

7 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Đinh Đặng Thủy Anh

Phụ trách Kế toán



Đinh Đặng Thủy Anh



Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2015

Tổng Giám đốc


 Nguyễn Tiến Đức